

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 08/2022/KDTM-PT

Ngày 10 - 3 - 2022

“V/v Tranh chấp về hợp đồng
tín dụng, thế chấp”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hà.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phấn và ông Võ Thạch Hùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:**

Ông Nguyễn Đình Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2021/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng, thế chấp”. Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần C.

Địa chỉ: Số 108, Đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T2, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vũ T3, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh B, có mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1973 và bà Phan Thị Đ (vợ của ông N), sinh năm 1977; địa chỉ: Khố Th, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N, bà Đ: Luật sư Nguyễn Trọng Thắng, Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Hà Việt, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, Số 243, đường Đê La Thành, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Ngọc L, sinh năm 1960 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1959; địa chỉ: Khối P1, phường Q2, thị xã H, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

* *Người kháng cáo:* Ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Cổ phần C (sau đây viết tắt là Ngân hàng C) trình bày: Ngày 11 tháng 11 năm 2016, vợ chồng ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Đ có ký Hợp đồng tín dụng số 16251240/2016-HĐTD/NHCT444 với Ngân hàng C để vay 8.470.000.000 đồng; mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn đóng mới tàu cá theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014; thời hạn vay là 132 tháng; lãi suất cho vay theo từng thời kỳ. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay trên, ngày 11 tháng 11 năm 2016, ông Hoàng Văn N, bà Phan Thị Đ, ông Trần Ngọc L, bà Hoàng Thị H, ông Trần Đăng B và bà Nguyễn Thị H5, anh Lê Ngọc T5 và chị Lê Thị T6 đã ký các hợp đồng thế chấp các tài sản cho ngân hàng gồm:

- Tàu cá vỏ gỗ số đăng ký NA-99869-TS mang tên Hoàng Văn N theo Hợp đồng thế chấp tàu cá số 16251240/2016-HĐTC/NHCT444.

- Thửa đất số 832, tờ bản đồ số 126-77, diện tích 240 m² và 01 ngôi nhà cấp bốn cùng toàn bộ tài sản cố định khác gắn liền trên thửa đất ở khối Th, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An mang tên ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Đ theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 16251231/HĐTC.

- Thửa đất số 427, tờ bản đồ số 127-77, diện tích 500 m² và 01 ngôi nhà cấp bốn cùng toàn bộ tài sản cố định khác gắn liền trên thửa đất ở khối T7, phường Q2, thị xã H, tỉnh Nghệ An mang tên ông Trần Đăng B và bà Nguyễn Thị H5 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 16251236/HĐTC.

- Thửa đất số 408, tờ bản đồ số 127.75, diện tích 265 m² và 01 ngôi nhà 02 tầng, 01 ngôi nhà cấp bốn cùng toàn bộ tài sản cố định khác gắn liền với thửa đất ở khối P1, phường Q2, thị xã H, tỉnh Nghệ An mang tên ông Trần Ngọc L và bà Hoàng Thị H theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 16251233/HĐTC.

- Thửa đất số 1036, tờ bản đồ số 127-77, diện tích 238 m² cùng toàn bộ tài sản cố định khác gắn liền với thửa đất ở khối Th, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An mang tên anh Lê Ngọc T5 và chị Lê Thị T6 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 16251234/HĐTC.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã cấp tín dụng theo đúng hợp đồng, ông N, bà Đ đã nhận đủ số tiền vay. Từ khi vay đến ngày 30 tháng 6 năm 2019, ông N, bà Đ đã trả cho Ngân hàng C tiền gốc và lãi theo thỏa thuận đã ký kết. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2019, ông N, bà Đ không trả, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo

hợp đồng. Ngày 25 tháng 7 năm 2019, toàn bộ khoản tiền nợ của ông N, bà Đ, ngân hàng đã thông báo chuyển sang nợ quá hạn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, ngân hàng được quyền đòi nợ trước hạn.

Nay, Ngân hàng C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Đ phải trả cho ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 17 tháng 9 năm 2020 là 6.872.391.495 đồng), trong đó, nợ gốc là 6.271.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 601.391.495 đồng. Nếu ông N và bà Đ không thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ trên thì yêu cầu xử lý phát mại các tài sản đã thế chấp còn lại (*của ông N, bà Đ và của ông Lợi, bà Hảo*) cho ngân hàng. Tài sản thế chấp của ông Tuấn, bà Tuyết, ông Bảy, bà Hương đã được thế chấp trước đó.

Bị đơn ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Đ trình bày: Ông N, bà Đ thống nhất việc ký hợp đồng tín dụng ngày 11 tháng 11 năm 2016 với Ngân hàng C để vay và đã được giải ngân số tiền 8.470.000.000 đồng. Để vay tiền, vợ chồng ông N, bà Đ cùng với ông Trần Ngọc L, bà Hoàng Thị H, ông Trần Đăng B, bà Nguyễn Thị H5, anh Lê Ngọc T5, chị Lê Thị T6, ông Nguyễn Đình C và bà Trần Thị H9 đã thống nhất thế chấp tài sản cho ngân hàng là tàu cá NA-99869-TS, các thửa đất và tài sản gắn liền với đất của ông bà (02 thửa đất) và của những người trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông N, bà N đã trả cho ngân hàng tiền gốc và tiền lãi đúng theo nội dung hợp đồng đã ký kết đến hết quý II năm 2019, đồng thời, được ngân hàng giải chấp 04 tài sản thế chấp, chỉ còn lại thửa đất của vợ chồng ông Đức, bà Ngoan và vợ chồng ông L, bà H. Do nghề biển gặp khó khăn, tàu mất lưới, phải đầu tư thêm ngư cụ nhưng không đánh bắt được nên vợ chồng ông N, bà Đ không có trả tiền vay cho ngân hàng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông N, bà Đ phải trả cho ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 17 tháng 9 năm 2020 là 6.872.391.495 đồng. Ông N, bà Đ đồng ý trả nợ toàn bộ số tiền trên nhưng đề nghị ngân hàng cho gia hạn trả nợ, trả dần tiền gốc, tạm gác tiền lãi trả nợ sau; đề nghị ngân hàng cho phép rút bớt tài sản thế chấp để có điều kiện vay vốn bổ sung, cải tạo đồ nghề để làm ăn, có thêm thu nhập để trả nợ cho ngân hàng. Nếu không trả được nợ trên thì đồng ý bàn giao tài sản thế chấp là tàu cá vỏ gỗ số đăng ký NA-99869-TS đăng ký mang tên ông Hoàng Văn N, yêu cầu ngân hàng phải trả lại cho gia đình số tiền vốn tự có là 30% giá trị tàu, còn các tài sản thế chấp khác là bất động sản thì ông N, bà Đ đề nghị trả lại cho ông bà và bên thứ ba để duy trì cuộc sống.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc L, bà Hoàng Thị H trình bày: Ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Đ có ký Hợp đồng tín dụng số 16251240/2016-HĐTD/NHCT444 với Ngân hàng C về việc vay vốn đóng mới tàu cá theo Nghị định 67, vay số tiền 8.470.000.000 đồng. Để cho ông N, bà Đ có đủ điều kiện vay tiền, ông Lợi, bà Hảo đã đồng ý thế chấp tài sản là thửa đất số 408, tờ bản đồ số 127.75, diện tích 265 m² và 01 ngôi nhà 02 tầng, 01 ngôi nhà cấp bốn cùng toàn bộ tài sản cố định khác gắn liền với thửa đất ở khối P1, phường Q2, thị

xã H, tỉnh Nghệ An mang tên ông Trần Ngọc L và bà Hoàng Thị H theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 16251233/HĐTC ngày 07 tháng 11 năm 2016 cho ngân hàng. Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông N, bà Đ phải trả cho ngân hàng thì ông L, bà H có trách nhiệm giúp đỡ ông N, bà Đ trả nợ cho ngân hàng. Nếu vợ chồng họ không trả được nợ thì đề nghị họ trả tiền cho ngân hàng để ngân hàng trả lại tài sản thế chấp là thửa đất trên cho ông L, bà H.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ Điều 466, Điều 241 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 227, Điều 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh B,

- Buộc ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Đ trả nợ tiền vay còn lại và tiền lãi tạm tính đến ngày 17 tháng 9 năm 2020 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh Bắc Nghệ An số tiền 6.872.391.495 đồng, trong đó nợ gốc là 6.271.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 601.391.495 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 16251240/2016-HĐTD/NHCT444 ngày 11 tháng 11 năm 2016 và phụ lục hợp đồng.

Ông Trần Ngọc L, bà Hoàng Thị H phải có trách nhiệm giúp đỡ cùng ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh B.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản số 16251240/2016-HĐTC/NHCT444 ngày 07 tháng 11 năm 2016; Hợp đồng thế chấp tài sản số 16251231/HĐTC ngày 07 tháng 11 năm 2016; Hợp đồng thế chấp tài sản số 16251233/HĐTC ngày 07 tháng 11 năm 2016 cho đến khi ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Đ thực hiện xong việc trả nợ.

Nếu ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Đ không trả được tiền nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh B có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là tàu cá đăng ký số NA-99869-TS mang tên ông Hoàng Văn N và 01 bộ lưới; 240 m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 832, tờ bản đồ số 126-77 ở khối Th, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An; 265 m² đất ở, đất vườn và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 408, tờ bản đồ 127-75 ở khối P1, phường Q2, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về nghĩa vụ của ngân hàng, lãi suất do chậm trả thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Ngày 01 tháng 10 năm 2020, ông Hoàng Văn N, bà Phan Thị Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Bản án sơ thẩm ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An là không khách quan và trái pháp luật,

không đảm bảo các quyền và lợi ích cho ông theo đúng pháp luật yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp cho ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N, bà Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C giữ nguyên nội dung khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Các bên không tự thỏa thuận giải quyết được nội dung vụ án. Các bên thống nhất sau khi xét xử sơ thẩm ông N đã trả nợ thêm cho ngân hàng được 508.000.000 đồng, người đại diện của ngân hàng đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên số liệu đã tuyên, số tiền trả thêm được tính trừ theo đúng quy định. Ông N đề nghị ngân hàng xem xét giãn nợ, mỗi tháng ông sẽ trả số tiền 40.000.000 đồng nhưng ngân hàng không chấp nhận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích pháp của ông Hoàng Văn N, bà Phan Thị Đ cho rằng: Ông N, bà Đ vay vốn để đóng tàu theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ nên cần có chính sách ưu đãi. Căn cứ Mục 1.2 Công văn số 1085/NHNN-TD ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định không bắt buộc chủ tàu phải bổ sung thêm tài sản bảo đảm để triển khai đóng mới, nâng cấp tàu. Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh B yêu cầu phải thế chấp bất động sản để bảo đảm cho khoản vay, các chủ tài sản ký kết các hợp đồng thế chấp bị ép buộc, không tự nguyện, vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự quy định tại Điều 122, Điều 132 của Bộ luật Dân sự. Các chủ tài sản hiểu biết pháp luật còn hạn chế, không nắm hết các trình tự, thủ tục khi ký kết các hợp đồng thế chấp. Hợp đồng thế chấp vi phạm quy định của pháp luật về công chứng, các chủ tài sản không được đọc các hợp đồng thế chấp, không được Công chứng viên giải thích về hậu quả của việc công chứng, việc ký kết hợp đồng thực hiện ngoài văn phòng công chứng. Pháp luật không có quy định việc thế chấp tài sản để bảo đảm nghĩa vụ cho người thứ ba, các chủ tài sản cũng không được nhận tiền vay của ngân hàng. Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót trong việc thu thập quy định nội bộ của ngân hàng về chính sách thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, cần xem xét toàn diện nguyên nhân ông N, bà Đ không trả được nợ, hậu quả của việc xử lý tài sản bảo đảm, ngân hàng cần có chính sách khoan nợ, giãn nợ cho ông N, bà Đ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 122, Điều 127, Điều 134 của Bộ luật Dân sự, tuyên vô hiệu đối với các hợp đồng thế chấp, xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu, buộc ngân hàng giải chấp tài sản và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các chủ tài sản.

Ông Hoàng Văn N, bà Phan Thị Đ đồng ý với ý kiến của Luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa đề nghị:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người đại diện của nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 75, Điều 76, Điều 85, Điều 86, Điều 294 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Quyền tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa được bảo đảm.

- Về thủ tục kháng cáo: Ông Hoàng Văn N, bà Phan Thị Đ làm đơn kháng cáo, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn nên Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là đúng quy định pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã được các bên giao kết trên cơ sở tự nguyện, được công chứng và đăng ký theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Hoàng Văn N, bà Phan Thị Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông N, bà Đ phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng và xử lý các tài sản thế chấp là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm về nội dung nhưng cần sửa bản án sơ thẩm về tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bổ sung nội dung tuyên án buộc bị đơn phải chịu lãi suất do chậm thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo ông Hoàng Văn N, bà Phan Thị Đ nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn nhưng không nộp biên lai thu tạm ứng, án phí Tòa án trong thời hạn nên thuộc trường hợp kháng cáo quá hạn. Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An đã gửi hồ sơ xét kháng cáo quá hạn của ông N, bà Đ đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An để xem xét theo quy định của pháp luật. Tại Quyết định số 01/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của ông N, bà Đ. Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An đã làm thủ tục thông báo về việc kháng cáo và chuyển hồ sơ vụ án để Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Ngọc L và bà Hoàng Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Hoàng Văn N, bà Phan Thị Đ và ý kiến của Luật sư tại phiên tòa:

[2.1] **Về việc ký kết và thực hiện hợp đồng tín dụng:** Hợp đồng tín dụng số 16251240/2016-HĐTD/NHCT444 ngày 11 tháng 11 năm 2016 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn tuân thủ đúng các quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên là hợp đồng hợp pháp, làm

phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh B đã giải ngân tiền vay cho ông Hoàng Văn N, bà Phan Thị Đ theo đúng cam kết; ông N, bà Đ cũng thừa nhận đã nhận đầy đủ số tiền, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên không trả được tiền nợ đúng hạn. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2019, ông N, bà Đ đã trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc 2.199.000.000 đồng và tiền lãi 1.532.377.531 đồng. Từ tháng 7 năm 2019, ông N, bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, khoản nợ được chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 25 tháng 7 năm 2019. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Đ trả cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 17 tháng 9 năm 2020 tổng số tiền 6.872.391.495 đồng, trong đó, nợ gốc 6.271.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn 601.391.495 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên thống nhất sau khi xét xử sơ thẩm, ông N, bà Đ đã trả thêm cho ngân hàng 508.000.000 đồng, tuy nhiên, số tiền này sẽ được xem xét khấu trừ khi thi hành án, Hội đồng xét xử không xem xét để sửa số tiền nợ theo bản án sơ thẩm. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N, bà Đ cho rằng ông N, bà Đ vay vốn để đóng tàu theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ nên cần có chính sách ưu đãi. Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót trong việc thu thập quy định nội bộ của ngân hàng về chính sách thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, cần xem xét toàn diện nguyên nhân ông N, bà Đ không trả được nợ, hậu quả của việc xử lý tài sản bảo đảm, ngân hàng cần có chính sách khoan nợ, giãn nợ cho ông N, bà Đ. Xét thấy, việc ký kết và thực hiện hợp đồng tín dụng đã được thực hiện theo đúng chủ trương, chính sách và quy định của pháp luật về chính sách về đầu tư, tín dụng nhằm phát triển thủy sản. Nếu các bên muốn thỏa thuận để thực hiện việc khoan nợ, giãn nợ thì có thể thực hiện trong quá trình thi hành án.

[2.2] Về tài sản bảo đảm: Tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông Hoàng Văn N, bà Phan Thị Đ bao gồm: Tàu cá vỏ gỗ số đăng ký NA-99869-TS mang tên Hoàng Văn N; thửa đất số 832, tờ bản đồ số 126-77, diện tích 240 m² và 01 ngôi nhà cấp bốn cùng toàn bộ tài sản cố định khác gắn liền trên thửa đất ở khối Th, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An của ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Đ; thửa đất số 427, tờ bản đồ số 127-77, diện tích 500 m² và 01 ngôi nhà cấp bốn cùng toàn bộ tài sản cố định khác gắn liền trên thửa đất ở khối T, phường Q2, thị xã H, tỉnh Nghệ An của ông Trần Đăng B và bà Nguyễn Thị H5; thửa đất số 408, tờ bản đồ số 127.75, diện tích 265 m² và 01 ngôi nhà 02 tầng, 01 ngôi nhà cấp bốn cùng toàn bộ tài sản cố định khác gắn liền với thửa đất ở khối P1, phường Q2, thị xã H, tỉnh Nghệ An của ông Trần Ngọc L và bà Hoàng Thị H và thửa đất số 1036, tờ bản đồ số 127-77, diện tích 238 m² cùng toàn bộ tài sản cố định khác gắn liền với thửa đất ở khối Th, phường Q2, thị xã H của anh Lê Ngọc T5 và chị Lê Thị T6. Quá trình thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải chấp và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Đăng B và bà Nguyễn

Thị H5, anh Lê Ngọc T5 và chị Lê Thị T6; tài sản bảo đảm còn lại cho khoản vay là tàu cá và các thửa đất của ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Đ, ông Trần Ngọc L và bà Hoàng Thị H.

Xét thấy, mặc dù theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Công văn số 1085/NHNN-TD ngày 26 tháng 02 năm 2015, không bắt buộc chủ tàu phải bổ sung thêm tài sản bảo đảm để triển khai đóng mới, nâng cấp tàu nhưng việc các chủ tài sản bất động sản để bảo đảm cho khoản vay không trái với các quy định của pháp luật. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, bên thế chấp đã ký, điểm chỉ vào hợp đồng thế chấp, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng Công chứng Trần Viết H9 và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã H, tỉnh Nghệ An, thể hiện việc các chủ tài sản hoàn toàn tự nguyện dùng tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình để thế chấp bảo đảm cho khoản vay cho ông Hoàng Văn N, bà Phan Thị Đ. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N, bà Đ cho rằng các chủ tài sản ký kết các hợp đồng thế chấp bị ép buộc, không tự nguyện, vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự; hợp đồng thế chấp vi phạm quy định của pháp luật về công chứng, các chủ tài sản không được đọc các hợp đồng thế chấp, không được Công chứng viên giải thích về hậu quả của việc công chứng, việc ký kết hợp đồng thực hiện ngoài văn phòng công chứng nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Do ông N, bà Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên tài sản thế chấp được xử lý để thu hồi nợ cho ngân hàng là phù hợp với các thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp và quy định của pháp luật.

Từ những nhận định, đánh giá nêu trên, ông Hoàng Văn N, bà Phan Thị Đ kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm không khách quan và trái pháp luật, không đảm bảo các quyền và lợi ích cho ông theo đúng pháp luật là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa, xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh B là nguyên đơn là không chính xác. Về lãi suất do chậm thi hành án, bản án sơ thẩm chưa tuyên người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, Hội đồng xét xử phúc thẩm bổ sung vào bản án và Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Ngoài ra, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm chưa nêu cụ thể về số hiệu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất bị xử lý là còn thiếu, gây khó khăn cho công tác thi hành án nên cần bổ sung cho đầy đủ.

[4] Về án phí phúc thẩm: Ông Hoàng Văn N, bà Phan Thị Đ kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về nội dung, bổ sung phần quyết định của bản án về nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thi hành án và thông tin chi tiết về tài sản bảo đảm bị xử lý.

2. Căn cứ Điều 466, Điều 241 Bộ luật Dân sự; Điều 277, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C.

- Buộc ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Đ trả nợ tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 16251240/2016-HĐTD/NHCT444 ngày 11 tháng 11 năm 2016 và phụ lục hợp đồng tính đến ngày 17 tháng 9 năm 2020 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền 6.872.391.495 đồng (Sáu tỷ, tám trăm bảy mươi hai triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, bốn trăm chín mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 6.271.000.000 (Sáu tỷ, hai trăm bảy mươi một triệu đồng), nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn là 601.391.495 đồng (Sáu trăm linh một triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, bốn trăm chín mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, người phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Ông Trần Ngọc L, bà Hoàng Thị H phải có trách nhiệm giúp đỡ, cùng ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản số 16251240/2016-HĐTC/NHCT444 ngày 07 tháng 11 năm 2016; Hợp đồng thế chấp tài sản số 16251231/HĐTC ngày 07 tháng 11 năm 2016 Hợp đồng thế chấp tài sản số 16251233/HĐTC ngày 07 tháng 11 năm 2016 cho đến khi ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Đ thực hiện xong việc trả nợ.

- Nếu ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Đ không trả được tiền nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp gồm:

+ Tàu cá đăng ký số NA-99869-TS theo giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 99869/2016 do Chi cục Thủy sản Nghệ An cấp ngày 15 tháng 12 năm 2016 mang tên ông Hoàng Văn N và 01 bộ lưới;

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 832, tờ bản đồ số 126-77, diện tích 240 m² và 01 ngôi nhà cấp bốn cùng toàn bộ tài sản cố định khác gắn liền trên thửa đất tại khối Th, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 594690 do Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Nghệ An cấp ngày 09 tháng 12 năm 2015 mang tên ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Đ;

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 408, tờ bản đồ số 127.75, diện tích 265 m² và 01 ngôi nhà 02 tầng, 01 ngôi nhà cấp bốn cùng toàn bộ tài sản cố định khác gắn liền với thửa đất, xã Q2, huyện Q (nay là khối P1, phường Q2, thị xã H), tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số O 177134 do Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An cấp ngày 17 tháng 7 năm 2001 mang tên ông Trần Ngọc L.

Nếu ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Đ thực hiện việc trả nợ đúng, đủ theo bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần C thực hiện thủ tục đăng ký xóa thế chấp tài sản, giải chấp tài sản và trả lại các giấy tờ (bản gốc) cho ông Hoàng Văn N, bà Phan Thị Đ ông Trần Ngọc L và bà Hoàng Thị H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Đ phải chịu 114.872.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng), kỷ phần mỗi người 57.436.000 đồng (Năm mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm; trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C 57.663.000 đồng (Năm mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007049 ngày 27 tháng 3 năm 2020.

- Về án phí phúc thẩm: Buộc ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Đ phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được khấu trừ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ

An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0006626 ngày 09 tháng 10 năm 2020.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND thị xã Hoàng Mai;
- Chi cục THADS thị xã Hoàng Mai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hà